



# NGHIÊN CỨU HIỆU QUẢ SẢN XUẤT, TIÊU THỤ LÚA THEO HỢP ĐỒNG VÀ CÁNH ĐỒNG LỚN Ở HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH

Nguyễn Viết Tuấn\*

Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế

**Tóm tắt:** Nghiên cứu này nhằm đánh giá quá trình phát triển sản xuất lúa theo hợp đồng với xu hướng liên kết sản xuất tại huyện Lệ Thủy, một huyện sản xuất lúa trọng điểm của tỉnh Quảng Bình. Số liệu được thu thập thông qua nguồn báo cáo, phỏng vấn hộ sản xuất theo hợp đồng (40 hộ) và hộ không theo hợp đồng (40 hộ), người am hiểu (10 người), thương lái, doanh nghiệp (5 người) và thảo luận nhóm (4 nhóm). Kết quả cho thấy sản xuất lúa theo hợp đồng ở huyện Lệ Thủy bắt đầu từ năm 2012 với 80 ha và nó gắn với quá trình đồn điền đổi thửa và xây dựng cánh đồng mẫu lớn. Vụ Đông Xuân 2014 - 2015, diện tích lúa theo hợp đồng của huyện chiếm 83,2 % diện tích hợp đồng toàn tỉnh. Có hai loại sản phẩm thực hiện hợp đồng là lúa giống cấp 1 và lúa thương phẩm (để xay xát thành gạo). Sản xuất theo hợp đồng điểm khác biệt là sản phẩm được bán chủ yếu ra ngoài tỉnh và xuất khẩu. Tỷ lệ thu mua theo hợp đồng lúa thương phẩm (76,8 %) và lúa giống (49,3 %); tỷ lệ hộ phá vỡ hợp đồng là 28,2 % với sản xuất lúa thương phẩm và 18,9 % với sản xuất lúa giống cấp 1, với 3 lý do chủ yếu là các bên không thực hiện cam kết về giá thu mua; chất lượng lúa không đảm bảo; và không có kho dự trữ. Lợi nhuận sản xuất lúa theo hợp đồng tăng từ 6.017.400 đồng/ha đến 7.401.960 đồng/ha so với sản xuất không theo hợp đồng.

**Từ khóa:** cánh đồng mẫu lớn, hợp đồng, lúa thương phẩm, lúa giống, Lệ Thủy

## 1 Đặt vấn đề

Sản xuất nông nghiệp gắn với tiêu thụ sản phẩm luôn là thách thức và là mối quan tâm lớn trong sản xuất nông nghiệp hiện nay. Quyết định số 80/2002/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thu mua nông sản theo hợp đồng, nhưng thực tế diễn ra rất khó khăn [3]. Trần Quốc Nhân, Ikuo Takeuchi cho rằng môi trường hoạt động của hợp đồng như thể chế thực thi hợp đồng còn yếu kém, lợi ích do hợp đồng mang lại chưa đủ hấp dẫn [2]. Gần đây, sản xuất lúa theo cánh đồng mẫu lớn (CĐML) đang phát triển và mở rộng ở nhiều vùng của Việt Nam. Theo Đỗ Kim Chung, sản xuất theo cánh đồng mẫu lớn là sản xuất tập trung, gắn chặt với doanh nghiệp và sử dụng ít giống. Khi cánh đồng “mẫu” không còn vai trò mô hình, chuyển sang sản xuất qui mô lớn, cánh đồng lớn (CĐL) [1]. Quyết định 62/2013 QĐ-TTg về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng CĐL [4]. Tuy nhiên, sản phẩm của CĐL tiêu thụ như thế nào đang là vấn đề đặt ra trong nông nghiệp nói chung và Quảng Bình nói riêng. Huyện Lệ Thủy là một trong những huyện sản xuất lúa trọng điểm, với 10.117 ha (chiếm 41,36 %) so với diện tích toàn tỉnh (24.465 ha) [5]. Vấn đề về tiêu thụ lúa còn đang gặp nhiều khó khăn, không có địa chỉ ổn định, khi bán thường bị các thương lái ép giá, hiệu quả sản xuất lúa còn chưa cao. Do vậy, để góp phần nâng cao thu nhập ổn định cho hộ sản xuất thì việc tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng gắn sản xuất theo CĐL là một việc làm

\* Liên hệ: nguyenviettuan@hvae.edu.vn

hết sức cấp thiết. Mục tiêu của nghiên cứu nhằm làm rõ thực trạng phát triển sản xuất, tiêu thụ lúa thông qua hợp đồng thu mua sản phẩm góp phần nâng cao hiệu quả cho sản xuất lúa của nông hộ.

## 2 Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành tại huyện Lệ Thủy, Tỉnh Quảng Bình. Hai xã An Thủy và Phong Thủy được chọn để nghiên cứu. Đây là hai xã đại diện cho những vùng sản xuất lúa của huyện thực hiện sản xuất theo cánh đồng mẫu. Nghiên cứu khảo sát 40 hộ/xã, hộ được chọn theo phương pháp phân tầng, ngẫu nhiên hộ có tham gia vào CĐL có hợp đồng (20 hộ/xã) và hộ không tham gia hợp đồng (20 hộ/xã), phỏng vấn sâu người am hiểu (10 người), gồm cán bộ Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT) Quảng Bình, Phòng NN&PTNT huyện Lệ Thủy, cán bộ nông nghiệp xã, cán bộ các HTX, nông dân chủ chốt và 5 thương lái, doanh nghiệp. Thảo luận nhóm 2 nhóm/xã gồm: nhóm hộ sản xuất theo hợp đồng và nhóm hộ không sản xuất theo hợp đồng. Số liệu được xử lý bằng phần mềm SPSS 16.0 và phần mềm excel, sử dụng phép thống kê mô tả để xem xét đặc điểm, cũng như mối quan hệ tương quan giữa các biến nghiên cứu.

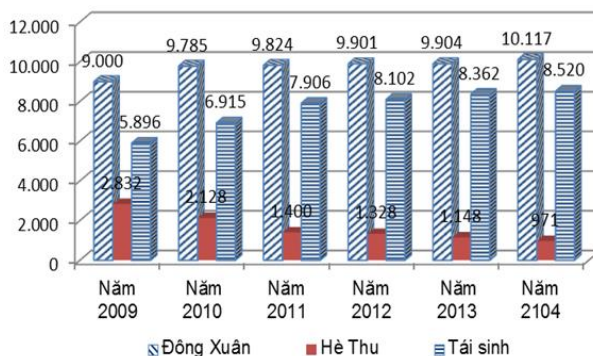
## 3 Kết quả nghiên cứu và thảo luận

### a) Đặc điểm sản xuất lúa của huyện Lệ Thủy

Lệ Thủy là vùng thấp trũng nhưng lại là trọng điểm sản xuất lúa của tỉnh Quảng Bình; năm 2015 diện tích lúa 10.117 ha (chiếm 47,3 %) diện tích toàn tỉnh (24.465 ha). Lúa được sản xuất ở 2 vụ chính: Đông Xuân (ĐX) và Hè Thu (HT). Vụ HT do thường xuyên bị lũ sớm đầu vụ vào tháng 9 do vậy một số địa phương để nguyên gốc rạ và chăm sóc thu hoạch (lúa tái sinh). Lúa tái sinh ban đầu được đánh giá có gạo chất lượng tốt, thơm ngon, bán giá cao hơn so với lúa thường, ít tốn công làm đất và lao động, ít đầu tư phân bón, do vậy diện tích lúa tái sinh phát triển mạnh và lúa sạ truyền thống giảm mạnh. Xét trên tổng sản lượng lúa toàn huyện thì giảm sút do vậy chủ trương của huyện là phát triển lúa HT truyền thống.

Về giống sử dụng: vụ ĐX nhóm giống dài ngày NX30, Xi23, X21 với diện tích 3120 ha (32,3 %) và nhóm trung và ngắn ngày, giống chủ đạo Khang Dân: 2750,4 ha (55,41 %), HT1: 950 ha (19,14 %), TH5: 230 ha (4,6 %), DV108: 240 ha (4,7 %) và các giống khác mới đưa vào IRI352, HC95, AC5...: 243 ha (4,9 %). Vụ HT tổng diện tích gieo trồng 9491 ha, các giống NX30, Xi23, X21 phát triển dưới dạng lúa tái sinh, giống ngắn ngày: Khang Dân là giống chủ đạo 2825,8 ha (58,0 %), HT1: 950 ha (19,4 %), TH5: 450 ha (9,2 %), PC6: 310 ha ( 6,3 %)...

Về năng suất: năng suất lúa của Lệ Thủy vụ ĐX cao hơn so với HT đạt trung bình đạt từ 59,03 tạ/ha đến 65,28 tạ/ha, vụ HT từ 40,0 tạ/ha đến 43,08 tạ/ha, vụ lúa tái sinh ban đầu chỉ đạt 12 tạ/ha đến 15 tạ/ha, đến nay năng suất đạt 25,38 tạ/ha đến 30,0 tạ/ha. (Phòng NN&PTNT huyện Lệ Thủy, 2015).



**Hình 1.** Diễn biến diện tích trồng lúa của huyện Lẽ Thủy giai đoạn (2009-2014), ĐVT: ha

### b) Đặc điểm sản xuất lúa của các xã khảo sát

Bảng 1 cho thấy sản xuất lúa ở hai xã gồm vụ lúa chính là ĐX và HT, vụ HT cơ bản sản xuất lúa tái sinh, chỉ còn một phần rất nhỏ 0,25 ha (5 sào) ở xã An Thủy. Diện tích lúa của hai xã chiếm tỷ lệ cao (18,8 %) so với diện tích toàn huyện, trong đó xã An Thủy (12,1 %) là hai khu vực thâm canh lúa lớn của huyện Lẽ Thủy. Năng suất lúa trung bình của cả hai xã cao hơn so với đại trà của toàn huyện từ 5 tạ/ha đến 7 tạ/ha, đây là điều kiện tốt để thực hiện và mở rộng sản xuất theo hợp đồng.

**Bảng 1.** Diện tích, năng suất lúa tại An Thủy và Phong Thủy năm 2015

Xã	Diện tích (ha)			Năng suất (tạ/ha)		
	Đông Xuân	Hè Thu	Tái sinh	Đông Xuân	Hè Thu	Tái sinh
An Thủy	1.226,4	0,25	1.218,7	70,0	54,8	30,0
Phong Thủy	634,64	-	634,64	74,0	-	38,0
Toàn huyện	10.117,0	971,0	8.520,0	65,26	43,08	28,97

(Nguồn: phòng NN&PTNT huyện Lẽ Thủy, 2015)

Về giống sử dụng: NX30, Xi23, X21, PC6 là những giống chủ đạo trong xã. Trong đó NX30, Xi23, X21 là những giống có khả năng chống chịu tương đối tốt, đặc biệt là khả năng tái sinh khỏe, phù hợp với đặc thù sản xuất lúa tái sinh. Tại xã An Thủy, vụ ĐX 2013-2014, HTX Mỹ Lộc Hạ đã liên kết với Công ty TNHH KN&CN Vĩnh Hòa ở Nghệ An sản xuất giống lúa chất lượng cao AC5 (35 ha), VH1 (65 ha). Vụ ĐX 2014-2015 HTX Mỹ Lộc Hạ tiếp tục sản xuất và mở rộng diện tích với quy mô 158 ha. Sản xuất gắn với CDL và đưa vào giống mới chất lượng đáp ứng với nhu cầu thị trường là yếu tố quan trọng đảm bảo cho các hợp đồng thực hiện.

### 3.1 Tình hình thực hiện sản xuất theo hợp đồng và cánh đồng mẫu lớn tại Lẽ Thủy

#### Tiến trình xây dựng hợp đồng và cánh đồng mẫu lớn

Lẽ Thủy là địa phương đầu tiên của tỉnh thực hiện sản xuất theo hợp đồng và xây dựng cánh đồng mẫu lớn từ vụ ĐX 2012-2013 với 80 ha lúa giống, tại 2 HTX của xã Phong Thủy với

công ty giống TNHH MTV Quảng Bình dưới sự hỗ trợ của sở NN&PTNT. Xây dựng cánh đồng mẫu lớn, đồn điền đổi thửa, nâng cao qui mô sản xuất đã được UBND xã và các HTX thực hiện. Tuy nhiên, điều khó khăn nhất là vấn đề liên kết thực hiện hợp đồng thu mua sản phẩm lâu dài và ổn định. Trong 2 năm 2012 và 2013 Sở NN&PTNT đã chủ trì thúc đẩy quá trình sản xuất theo hợp đồng, làm cầu nối cho các đối tác tham gia.

*Tiến trình sản xuất theo hợp đồng của tỉnh Quảng Bình gồm các bước*

*Bước 1:* Tổ chức hội nghị cấp tỉnh do Sở NN&PTNT chủ trì, thành phần tham gia là các cơ quan chức năng, các doanh nghiệp, công ty, các HTX.

*Bước 2:* Tìm kiếm và lựa chọn đối tác ký kết hợp đồng các HTX tự chủ động tìm kiếm các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh cùng thảo luận về các nội dung hợp đồng.

*Bước 3:* Thảo luận với xã viên: HTX họp xã viên thảo luận về nội dung hợp đồng, loại giống, xứ đồng, tổ chức cho nông dân đăng ký tham gia, qui hoạch xây dựng cánh đồng mẫu lớn.

*Bước 4:* Tổ chức ký kết hợp đồng, đại diện HTX cùng thảo luận với công ty/doanh nghiệp/cơ sở kinh doanh lần cuối, thống nhất và ký kết hợp đồng.

*Các đối tác tham gia*

Có 2 nhóm đối tác liên quan đến quá trình sản xuất theo hợp đồng và xây dựng CĐML gồm: (1) nhóm thực thi hợp đồng và (2) nhóm hỗ trợ thực hiện. Nhóm thực hiện hợp đồng, có 4 đối tác chính gồm: (i) doanh nghiệp/công ty TNHH, có 5 doanh nghiệp, trong đó 1 doanh nghiệp đến từ Nghệ An, 4 doanh nghiệp/công ty đến từ Quảng Bình. (ii) 2 cơ sở xay xát tư nhân, (iii) 1 HTX kinh doanh tổng hợp và (iv) nông dân là người thực hiện, đăng ký cam kết thực hiện gián tiếp hợp đồng, thông qua HTX. Nhóm hỗ trợ gồm: Sở NN&PTNT làm cầu nối cho các bên tham gia, Trung tâm Khuyến Nông Lâm của tỉnh, Phòng NN&PTNT các huyện, các Trạm Khuyến Nông Lâm huyện hỗ trợ kỹ thuật. UBND xã hỗ trợ cho việc tiến hành qui hoạch, đồn điền đổi thửa, xây dựng CĐL.

*Hình thức hợp đồng*

Theo Báo Trung, có nhiều hình thức hợp đồng: theo hướng mô hình tập trung, trang trại tập trung, mô hình đa chủ thể, mô hình phi chính thức và mô hình trung gian [7]. Tại Lệ Thủy, áp dụng hình thức hợp đồng trung gian, công ty ký hợp đồng với các HTX lấy HTX làm đối tác. Các nông hộ đăng ký tham gia và cam kết với các HTX thực hiện hợp đồng, trong khuôn khổ khu vực qui hoạch, đồn điền đổi thửa xây dựng CĐL. Hợp đồng được thương thảo và ký kết giữa doanh nghiệp/công ty/cơ sở kinh doanh dưới sự chứng kiến của các bên nhưng có một điểm hạn chế là không có sự xác nhận của chính quyền để tăng tính pháp lý, đây là một điểm còn hạn chế.

### **Tình hình phát triển của sản xuất theo hợp đồng trên địa bàn huyện Lệ Thủy**

Kết quả thực hiện sản xuất lúa theo hợp đồng và CĐML được thể hiện ở bảng 2. Kết quả bảng cho thấy: diện tích hợp đồng tăng nhanh theo thời gian và chủng loại sản phẩm ban đầu chỉ có lúa giống sau đó phát triển sang lúa thương phẩm. Tại huyện Lệ Thủy, vụ ĐX 2012-2013

với 80 ha lúa giống. Vụ ĐX 2013-2014 sản xuất theo hợp đồng lúa giống là 76 ha chiếm 40,9 % trong tổng diện tích lúa giống toàn tỉnh (186 ha). Diện tích sản xuất theo hợp đồng (SXTHĐ) lúa thương phẩm là 470 ha chiếm 100 % lúa thương phẩm của tỉnh. Vụ ĐX 2014-2015 diện tích lúa theo hợp đồng toàn tỉnh là 1249 ha, trong đó lúa giống là 287 ha (23,0 %), lúa thương phẩm là 962 ha (77,0 %). Diện tích hợp đồng sản xuất lúa giống của huyện là 132 ha (46,2 %), lúa thương phẩm là 922 ha (95,8 %) so với tổng diện SXTHĐ lúa giống và thương phẩm toàn tỉnh.

**Bảng 2.** Sự tham gia và qui mô hợp đồng của các đối tác trong sản xuất lúa ở Lệ Thủy

Đối tượng hợp đồng	Chỉ tiêu	Vụ sản xuất		
		ĐX 2012-2013	ĐX 2013-2014	ĐX 2014-2015
Sản xuất lúa giống xác nhận	Diện tích hợp đồng sản xuất ( ha)	80	76	132
	Số doanh nghiệp/ cơ sở tham gia	1	1	1
	Qui mô CĐL (ha)	40	38	44
	Số hộ tham gia (hộ)	493	476	806
	Diện tích hợp đồng/hộ (ha)	0,16	0,16	0,16
Sản xuất lúa thương phẩm	DT sản xuất theo hợp đồng (ha)	-	470	922
	Qui mô CĐL (ha)	-	40	51,2
	Số Doanh nghiệp/cơ sở tham gia	-	3	8
	Qui mô hợp đồng/đối tác (ha)	-	156,6	115,3
	Số hộ tham gia hợp đồng (hộ)	-	2381	3794
	Diện tích hợp đồng TB/hộ (ha)	-	0,20	0,24

(Nguồn: trung tâm KN - KN Quảng Bình, 2013, 2014, 2015)

Qui mô trung bình của hợp đồng là 156,6 ha/đối tác ở vụ ĐX 2013 - 2014 và ĐX 2014 - 2015 là 115,3 ha/đối tác, qui mô hợp đồng lớn nhất là 250 ha, qui mô nhỏ nhất 30 ha. Diện tích lúa theo hợp đồng của hộ, lúa thương phẩm là 4,7 sào/hộ (0,24 ha/hộ), diện tích trồng lúa giống trung bình là 3,2 sào/hộ (0,16 ha/hộ), có 25 % số hộ vừa tham gia trồng lúa giống xác nhận và vừa trồng lúa thương phẩm (không hiệu ý tác giá). Giống lúa sử dụng trong sản xuất: đối với lúa thương phẩm, ngoài các giống lúa thường như X23, Xi21 đã đưa vào một số giống chất lượng như P6, AC5, VH1, do vậy giá bán cao hơn so với một số giống thường.

### Đặc điểm của nông hộ sản xuất lúa theo hợp đồng và không theo hợp đồng tại Lệ Thủy

Vùng Lệ Thủy, diện tích đất của nông hộ sở hữu chủ yếu là sản xuất lúa, chiếm 95,6 % đến 96,4 % tổng diện tích đất. Qui mô đất lúa của hộ có sự khác biệt ở 2 nhóm: 8,72 sào/hộ đối với hộ sản xuất không theo hợp đồng (SXKTHĐ) và 15,85 sào/hộ với hộ sản xuất theo hợp đồng (SXTHĐ), qui mô diện tích nhóm hộ SXTHĐ gấp 1,8 lần so với nhóm hộ SXKTHĐ. Giá trị Sig = 0,000 cho thấy sự khác biệt này rất có ý nghĩa. Qui mô diện tích các hộ tham gia hợp đồng là 8,0

sào/hộ. Số thửa ruộng/hộ vẫn còn cao (4,00 thửa/hộ đến 4,38 thửa/hộ) và số lao động nông nghiệp từ 1,9 lao động/hộ đến 2,02 lao động/hộ.

**Bảng 3.** Một số thông tin cơ bản của hộ trong sản xuất lúa tại huyện Lệ Thủy

Các chỉ tiêu	ĐVT	Hộ sản xuất theo hợp đồng (N = 40)		Hộ sản xuất không theo hợp đồng (N = 40)		Sig
		Mean	Std	Mean	Std	
Tuổi chủ hộ	Tuổi	45,92	7,220	47,75	9,077	0,323
Trình độ văn hóa	Lớp	8,97	2,331	7,85	2,607	0,050
Diện tích đất lúa	Sào/hộ	15,85	6,902	8,72	3,343	0,000
Số thửa ruộng trồng lúa	Thửa/hộ	4,38	1,314	4,00	1,038	0,161
Diện tích thửa lớn nhất	Sào/thửa	5,18	1,130	2,58	1,196	0,000
Diện tích theo hợp đồng	Sào/hộ	8,0	3,121	-	-	-
Diện tích thửa nhỏ nhất	Sào/thửa	1,85	0,752	1,23	0,423	0,000
Số lao động chính	Lao động	2,32	0,616	2,52	0,784	0,208
Số lao động NN	Lao động	2,02	0,276	1,90	0,591	0,229

Ghi chú: \*1 sào = 500 m<sup>2</sup>

(Nguồn: số liệu điều tra nông hộ, 2015)

### 3.2 Kênh tiêu thụ và thực hiện sản xuất lúa theo hợp đồng

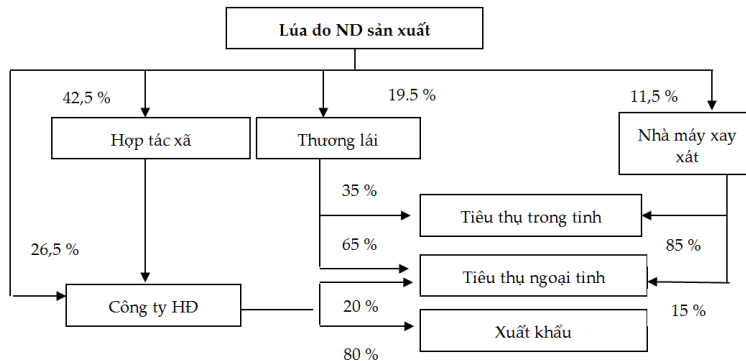
#### Tiêu thụ lúa thương phẩm sản xuất theo hợp đồng

Tại huyện Lệ Thủy, vụ ĐX 2014-2015 sản lượng lúa sản xuất theo hợp đồng là 2900 tấn, lúa được bán qua các kênh (Hình 2): có 69 % khối lượng bán trực tiếp cho doanh nghiệp hoặc thông qua HTX. Trong đó, thông qua HTX 42,5 % và bán trực tiếp qua công ty 26,5 %. Một số doanh nghiệp đã phối hợp với HTX để thu mua sản phẩm cho nông dân, đây là những HTX lớn, có uy tín với nông dân, đại diện cho nông dân ký kết hợp đồng sản xuất và bao tiêu sản phẩm theo CĐL. Bên cạnh đó, lúa được bán cho thương lái (19,5 %) và cơ sở xay xát trên địa bàn (15,1 %), lượng lúa này một phần lại bán ra ngoài tỉnh và một phần tiêu thụ tại thị trường trong tỉnh. Như vậy, sản xuất lúa theo hợp đồng của Lệ Thủy gắn với việc mở rộng thị trường tiêu thụ ra ngoài tỉnh và xuất khẩu (chiếm 83,3 %).

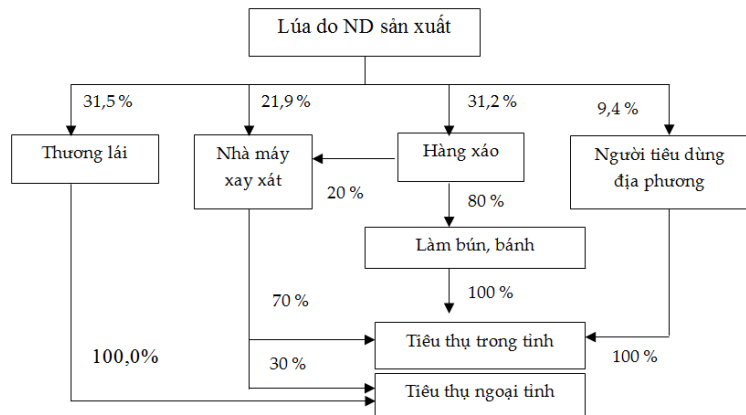
#### Tiêu thụ lúa thương phẩm sản xuất không theo hợp đồng

Đối với nhóm hộ không sản xuất theo hợp đồng, tiêu thụ lúa của nông hộ sản xuất ra (Hình 3) được bán cho thương lái với tỷ lệ 37,5 %. Các thương lái này là những người buôn bán lớn, có ô tô tải để vận chuyển lúa ra ngoài tỉnh tiêu thụ, 21,9 % hộ bán lúa trực tiếp cho các nhà máy xay xát trên địa bàn, sau khi xay xát xong khoảng 70,0 % gạo sẽ nhập cho các đại lý trong tỉnh, 30 % gạo sẽ tiêu thụ ở các tỉnh khác. Ngoài ra, 31,2 % hộ bán lúa cho các hàng xáo, những

người hàng xáo này sẽ bán 80 % cho các cơ sở làm bún, bánh và 20 % sẽ đưa vào các cơ sở xay xát lấy gạo bán ở chợ. Bên cạnh đó, những hộ sản xuất không theo hợp đồng còn bán lúa cho người tiêu dùng ở địa phương. Những người này là những hộ không sản xuất lúa hoặc sản xuất nhưng không đủ tiêu dùng, đến thời kỳ giáp hạt buộc họ phải đi mua thêm.



**Hình 2.** Kênh tiêu thụ sản xuất theo hợp đồng lúa thương phẩm  
(Nguồn: điều tra nông hộ và các đối tác, 2015)



**Hình 3.** Kênh tiêu thụ lúa của nhóm hộ không sản xuất theo hợp đồng  
(Nguồn: điều tra nông hộ và các đối tác, 2015)

**Sản lượng và tiêu thụ lúa giống (lúa cấp 1)**

Sản phẩm lúa giống chủ yếu do Công ty giống TNHH MTV Quảng Bình tổ chức sản xuất và thu mua, nhằm cung ứng giống lúa cấp 1 cho toàn tỉnh và bán cho các tỉnh khác. Công ty khảo sát điều kiện vùng sản xuất và đưa ra tiêu chuẩn khắt khe về sản xuất giống và ký hợp đồng với HTX. Sản lượng lúa công ty thu mua hàng năm theo hợp đồng đạt 51 % so với sản lượng lúa sản xuất ra, 269 tấn (ĐX 2013-2014), và 480 tấn (ĐX 2014-2015). Trong đó 30,4 % mua thông qua các HTX, 20,5 % trực tiếp thu mua. Sau khi thu mua sẽ vận chuyển về nhà máy chế biến giống của công ty, tiến hành sơ chế, đóng gói, dán nhãn mác và 80 % lúa giống sau khi gắn nhãn mác được tiêu thụ trong tỉnh, 20 % chuyển đi các tỉnh lân cận có nhu cầu. Sản lượng lúa

còn lại do không đáp ứng được chất lượng, một phần để tiêu dùng trong gia đình, phần còn lại được bán cho các thương lái (29,5 %) và cho các nhà máy xay xát trên địa bàn (19,5 %).

### **Hiện trạng phá vỡ cam kết, hợp đồng**

Hiện trạng phá vỡ cam kết, không thực hiện trách nhiệm hợp đồng vẫn còn xảy ra. Số hộ không thực hiện theo cam kết hợp đồng đối với lúa thương phẩm chiếm 17,5 %, và đối với lúa giống chiếm 28,8 %. Nguyên nhân dẫn đến phá vỡ cam kết hợp đồng là giá thu mua thấp hơn giá thị trường, năng lực thu mua còn hạn chế (do doanh nghiệp) và chất lượng lúa sản xuất ra không đảm bảo (do người dân). Ý kiến đánh giá của người dân: số người được hỏi cho rằng không thực hiện theo cam kết (57,1 % ý kiến đánh giá), chất lượng lúa không đạt yêu cầu (28,8 % ý kiến đánh giá) và điều kiện kho bãi không đảm bảo, không thu mua kịp (14,2 % ý kiến). Trường hợp Công ty CP Lương thực Bình Trị Thiên cam kết thu mua tối thiểu là 5.800 đồng/kg, trường hợp giá thị trường cao hơn 5.800 đồng/kg, Công ty sẽ trực tiếp đàm phán với nông dân để điều chỉnh giá phù hợp với thị trường. Tuy nhiên, theo đại diện các HTX Lộc Thượng và HTX Lộc Hạ đối với giống lúa P6, mặc dù giá thị trường là 6.800 đồng/kg đến 7.200 đồng/kg nhưng công ty chỉ thu mua với giá 5.800 đồng/kg nên nông dân đã bán ra ngoài. Doanh nghiệp cho rằng nguyên nhân phá vỡ hợp đồng với hai nguyên nhân là do chất lượng lúa của nông dân không đạt tiêu chuẩn hoặc do vào vụ thu hoạch thiếu kho bãi khiến doanh nghiệp không thu mua kịp, hiện tượng đổ trách nhiệm cho nhau vẫn còn xảy ra, việc xử lý tranh chấp rất khó và chưa thấy có sự tham gia của chính quyền.

### **3.3 Hiệu quả trong sản lúa theo hợp đồng đối với nông hộ**

#### **Hiệu quả trong sản xuất lúa giống cấp 1**

Giá trị sản phẩm thô thu được 2.122.250 đồng/sào đối với sản xuất theo hợp đồng lúa giống và 1.676.100 đồng/sào đối với không sản xuất theo hợp đồng. Tổng chi phí 1.612.900 đồng/sào (lúa giống) và giá trị gia tăng (VA) chênh lệch cao hơn 323.370 đồng/sào. Về lợi nhuận (P), nhóm hộ sản xuất theo hợp đồng thu được 509.350 đồng lợi nhuận trong khi đó nhóm hộ không hợp đồng chỉ thu được 208.480 đồng, chênh lệch 300.870 đồng/sào (tương đương 6.017.400 đồng/ha). Hiệu quả sử dụng đồng vốn, ở nhóm hộ có hợp đồng bỏ ra 1 đồng chi phí trung gian thì thu được 1,53 đồng giá trị tăng thêm, còn nhóm hộ ngoài hợp đồng chỉ nhận được 1,32 đồng chênh nhau 0,21 đồng.

Với 1 đồng chi phí bỏ ra thì nhóm hộ sản xuất theo hợp đồng sẽ thu về được 0,32 đồng lợi nhuận còn nhóm hộ không hợp đồng chỉ thu về 0,15 đồng lợi nhuận, mức chênh lệch là 0,17 đồng. Điều này cho thấy hiệu quả đầu tư trong sản xuất của nhóm hộ sản xuất theo hợp đồng lúa giống cao hơn so với nhóm hộ ngoài hợp đồng.



**Bảng 4.** So sánh hiệu quả sản xuất lúa của nhóm hộ sản xuất và không sản xuất theo hợp đồng lúa giống (đồng/500 m<sup>2</sup>)

TT	Chỉ tiêu	Nhóm hộ		
		Nhóm hộ sản xuất theo HĐ lúa giống	Nhóm hộ sản xuất không theo HĐ	Chênh lệch (3 - 4)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	Giá trị sản xuất (GO)	2.122.250	1.676.100	446.150
II	Chi phí			
2.1	Chi phí trung gian (IC)	847.900	725.120	122.780
2.2	Tổng chi phí (TC)	1.612.900	1.467.620	145.280
III	Các chỉ tiêu về hiệu quả			
3.1	Giá trị gia tăng (VA)	1.274.350	950.980	323.370
3.2	Lợi nhuận (P)	509.350	208.480	300.870
3.3	Hiệu quả vốn (VA/IC)	1,53	1,32	0,21
3.4	Tỷ suất lợi nhuận (P/TC)	0,32	0,15	0,17

(Nguồn: điều tra nông hộ, 2015)

**Hiệu quả sản xuất lúa thương phẩm**

Giá trị GO thu được là 2.539.648 đồng/sào còn nhóm hộ không sản xuất theo hợp đồng là 2.118.249 đồng/sào, chênh lệch 421.399 đồng/sào (tương đương 8.427.980 đồng/ha). Giá trị gia tăng của nhóm hộ sản xuất theo hợp đồng là 1.720.873 đồng/sào và không hợp đồng là 1.347.025 đồng/sào. Như vậy là ta thấy được nhóm hộ sản xuất theo hợp đồng có giá trị tăng thêm so với chi phí bỏ ra cao hơn 373.848 đồng/sào. Về lợi nhuận (P), sản xuất 1 sào lúa, nhóm hộ sản xuất theo hợp đồng thu được 978.373 đồng lợi nhuận, trong khi đó nhóm hộ không theo hợp đồng chỉ thu được 608.275 đồng, mức lợi nhuận chênh lệch là 370.098 đồng/sào (tương đương 7.401.940 đồng/ha). Đây là một mức chênh lệch khá lớn đối với người trồng lúa. Tuy nhiên, nó thường biến động phụ thuộc nhiều vào giá lúa hàng năm.

Xét về hiệu quả sử dụng đồng vốn, được tính toán dựa trên giá trị gia tăng chia cho chi phí trung gian. Kết quả phân tích cho thấy hiệu quả đồng vốn có sự khác biệt giữa 2 nhóm (Sig < 0,05). Ở nhóm hộ có hợp đồng, bỏ ra 1 đồng chi phí trung gian thì thu được 2,15 đồng giá trị tăng thêm, còn nhóm hộ ngoài hợp đồng chỉ nhận được 1,77 đồng, chênh nhau 0,38 đồng.

Tỷ suất lợi nhuận của hai nhóm hộ cũng có sự khác biệt (Sig. < 0,05). Với 1 đồng chi phí bỏ ra thì nhóm hộ sản xuất theo hợp đồng sẽ thu về được 0,64 đồng lợi nhuận còn nhóm hộ không hợp đồng chỉ thu về 0,42 đồng lợi nhuận, mức chênh lệch là 0,22 đồng. Điều này cho thấy hiệu quả đầu tư trong sản xuất của nhóm hộ sản xuất theo hợp đồng cao hơn so với nhóm hộ ngoài hợp đồng.

**Bảng 5.** So sánh hiệu quả sản xuất lúa thương phẩm của hai nhóm hộ sản xuất và không sản xuất theo hợp đồng (đồng/ 500 m<sup>2</sup>)

ĐVT: đồng

TT	Chỉ tiêu	Nhóm hộ			
		Nhóm hộ SX theo HĐ(N = 40)	Nhóm hộ không SX theo HĐ (N = 40)	Chênh lệch (3 - 4)	Sig
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	Giá trị sản xuất (GO)	2.539.648	2.118.850	420.798	0,000
II	Chi phí				
2.1	Chi phí trung gian (IC)	818.780	771.820	49.960	0,023
2.2	Tổng chi phí (TC)	1.561.280	1.510.580	50.700	0,111
III	Các chỉ tiêu về hiệu quả sản xuất				
3.1	Giá trị gia tăng (VA)	1.720.873	1.347.025	373.848	0,000
3.2	Lợi nhuận (P)	978.373	608.275	370.098	0,000
3.3	Hiệu quả vốn (VA/IC)	2,15	1,77	0,38	0,000
3.4	Tỷ suất lợi nhuận (P/TC)	0,64	0,42	0,22	0,000

(Nguồn: số liệu điều tra nông hộ, 2015)

#### 4 Kết luận

Lệ Thủy là huyện dẫn đầu trong toàn tỉnh về thực hiện sản xuất lúa theo hợp đồng (ĐX 2014 - 2015) với 1.054 ha chiếm 83,2 % diện tích lúa hợp đồng toàn tỉnh.

Quá trình xây dựng hợp đồng sản xuất đi đôi với việc xây dựng cánh đồng mẫu lớn và cánh đồng lớn, qui mô cánh đồng lớn được xây dựng ở các HTX không cao, từ 38 ha/cánh đồng đến 44 ha/cánh đồng, diện tích sản xuất lúa hộ biến động từ 0,4 ha/hộ đến 0,78 ha/hộ, các hộ tham gia sản xuất lúa theo hợp đồng kể cả lúa giống và lúa thương phẩm từ 0,36 ha/hộ đến 0,40 ha/hộ.

Tiến trình xây dựng hợp đồng qua bốn bước và có sự hỗ trợ rất lớn từ các cơ quan chức năng và các bên liên quan. Hình thức hợp đồng chính là hợp đồng qua trung gian HTX với hai loại sản phẩm là lúa giống và lúa thương phẩm.

Quan hệ giữa doanh nghiệp với nông dân qua đối tác trung gian và HTX, HTX là đối tác chủ yếu trong việc tổ chức thực thi các hợp đồng. Tính pháp lý của hợp đồng còn thấp, phần lớn các bản hợp đồng đều chưa có xác nhận của chính quyền địa phương, vẫn còn xảy ra tình trạng không thực hiện theo hợp đồng và đùn đẩy trách nhiệm.

Các doanh nghiệp thu mua sản phẩm theo hợp đồng đạt tỷ lệ trung bình 76,8 % tổng sản

lượng lúa trên diện tích hợp đồng đối với lúa thương phẩm và 49,3 % tổng sản lượng đối với sản xuất lúa giống. Sản xuất theo hợp đồng giúp sản phẩm được bán ra ngoài tỉnh và xuất khẩu.

Tỷ lệ hộ phá vỡ cam kết là 17,5 % với sản xuất lúa thương phẩm và 28,5 % với sản xuất lúa giống cấp 1, với 3 lý do chủ yếu là các bên không thực hiện cam kết về giá thu mua; chất lượng lúa không đảm bảo và không có kho dự trữ, thu mua kịp. Lợi nhuận thu được của nông dân đối với sản xuất lúa theo hợp đồng tăng từ 6.017.400 đồng/ha đến 7.401.960 đồng/ha so với sản xuất không theo hợp đồng.

**Lời cảm ơn:** chúng tôi xin chân thành cảm ơn Ths. Lê Thị Hương, Trung tâm Khuyến nông lâm tỉnh Quảng Bình đã hỗ trợ đặc lực để thực hiện nghiên cứu này.

### Tài liệu tham khảo

1. Đỗ Kim Chung (2012), Một số giảng pháp phát triển cánh đồng mẫu lớn trong nông nghiệp, *Tạp chí nghiên cứu kinh tế*, (413), 55-60.
2. Trần Quốc Nhân, Ikuo Takeuchi (2012), Phân tích nguyên nhân dẫn đến việc thực thi hợp đồng tiêu thụ nông sản kém giữa nông dân và doanh nghiệp ở Việt Nam, *Tạp chí khoa học và phát triển*, 10 (7), 1069 -1077.
3. Quyết định 80/2002/QĐ-TTG ngày 24/6/2002 về Chính sách khuyến khích tiêu thụ nông sản hàng hóa qua hợp đồng.
4. Quyết định 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng chính phủ về Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản phẩm, xây dựng cánh đồng lớn.
5. Sở Nông nghiệp và PTNT Quảng Bình, *Kết quả thực hiện xây dựng cánh đồng lớn năm 2014, kế hoạch năm 2015*.
6. Bào Trung (2008), Phát triển các hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp theo hợp đồng ở Việt Nam, *Tạp chí quản lý kinh tế*, (22), 60-66.
7. Trung tâm KN-KN Quảng Bình (2014), *Phương án xây dựng cánh đồng lớn trên cây lúa vụ Đông Xuân 2014 - 2015*.
8. UBND tỉnh Quảng Bình (2014), *Báo cáo đánh giá tình hình sản xuất nông nghiệp năm 2013, triển khai kế hoạch 2014, sản xuất Đông Xuân 2013-2014*.

# PADDY RICE PRODUCTION EFFICIENCY AND CONSUMPTION UNDER CONTRACT SCHEME AND LARGE-SCALE FIELDS IN LE THUY DISTRICT, QUANG BINH PROVINCE

Nguyen Viet Tuan\*

College of Agriculture and Forestry, Hue University

**Abstract:** This study aimed to evaluate the paddy rice production process under a contract scheme with the production linkage trend in Le Thuy district, a principal paddy rice production area of Quang Binh province. The data were collected from interviews of contract households (40), non-contract households (40), knowledgeable people (10), traders, enterprises (5 people), and group discussion (4 groups). The results showed that paddy rice production under the contract scheme in Le Thuy began in 2012 with an area of 80 ha, and this scheme was associated with the process of land consolidation and construction of large-scale paddy rice production field. In the 2014-2015 Winter-Spring crop, the paddy rice farming area under the contract scheme in Le Thuy District accounted for 83.2 % of the province's total contract paddy rice farming area. Two types of products were produced under the contract scheme, comprising level 1 rice seeds and commercial rice. The products were mainly sold outside the province and exported. The rate of rice purchased under the contract scheme as commercial rice product and rice seed product was 76.9 and 49.3 %, respectively. The rate of households breaking contracts with commercial production and seed production were 28.2 and 18.9 %, respectively, due to three main reasons, namely non-obedience to commitments on purchase prices, low quality of products, and lack of storage depots for products. Net profit of contract rice production increased from 6,017,400 to 7,401,960 VND/ha compared to non-contract rice production.

**Keywords:** large-scale, commercial rice, rice seed product, paddy rice production, contract scheme, Le Thuy